

Tìm hiểu thêm về các tác phẩm y học của tuệ tĩnh

Lâm Giang

Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Tuệ Tĩnh 慧靜 (có sách chép là Huệ Tĩnh 惠靖), là tên hiệu của Nguyễn Bá Tĩnh 阮伯靖, người thôn Nghĩa Phú, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Dương. Theo *Đại Việt lịch đại đăng khoa lục* do Vũ Duy Đoán biên tập năm Thịnh Đức thứ 2 (1654) và Lê Nguyên Trung tục biên năm Thiệu Trị thứ 3 (1843), Nguyễn Bá Tĩnh, người Hải Đông đỗ Đệ nhị giáp khoa Giáp Dần, niên hiệu Long Khánh (1374) đời Trần Duệ Tông, đi sứ Bắc làm Điều hộ, nhà Minh giữ lại, đi tu, lấy hiệu là Tuệ Tĩnh.

Theo truyền thuyết, Tuệ Tĩnh đi sứ Trung Quốc và bị giữ lại bên ấy để chữa thuốc, đến khi hấp hối, có trời trăng rằng: “Về sau có ai sang sứ thì đem xác tôi về với”! Đời sau, Tiến sỹ Nguyễn Danh Nho người cùng làng Nghĩa Phú, được cử đi sứ, đã đến viếng mộ và lập bia mộ chí đưa về. Về nước, vào khoảng năm 1695, Nguyễn Danh Nho cùng dân làng Nghĩa Phú dựng đền thờ Tuệ Tĩnh tại quê nhà, để ghi nhớ công ơn người thầy thuốc. Ngôi đền qua nhiều lần trùng tu hiện nay vẫn còn với qui mô vừa phải. Gian giữa ngôi đền có bức hoành phi “Xuân đài thọ vực” (Cõi thọ đài xuân) và đôi câu đối:

名魁二甲標陳監 *Danh khôi nhị giáp tiêu Trần giám*

使命十全省北醫 *Sứ mệnh thập toàn tỉnh Bắc y*

(Khoa danh đứng đầu hàng thứ hai, đời Trần nêu gương sáng,

Sứ mệnh hoàn thành, ở lại nơi đất Bắc trở tài nghề y).

Đôi câu đối khớp với sự ghi chép của sách *Đại Việt lịch đại đăng khoa lục* vừa nêu trên: “Khoa danh đứng đầu hàng thứ hai...” (*Danh khôi nhị giáp*). Khoa ấy, Đệ nhất giáp (hàng thứ nhất) là: Đào Sư Tích (Trạng nguyên), Lê Hiến Phủ (Bảng nhãn), Trần Đình Thâm (Thám hoa). Đệ nhị giáp: Nguyễn Bá Tĩnh, La Tu... Như vậy, Nguyễn Bá Tĩnh đứng đầu Đệ nhị giáp (hàng thứ hai) là Hoàng giáp.

*

Tuệ Tĩnh để lại nhiều tác phẩm về Y học, như *Nam dược Quốc ngữ phú*, *Trực giải chỉ Nam dược tính phú*, *Thập tam phương gia giảm* v.v... được người đời sau tập hợp lại thành tập *Hồng Nghĩa giác tư y thư*. Ngoài ra, theo *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú, Tuệ Tĩnh có tác phẩm *Nam dược thần hiệu*.

1. Hồng nghĩa giác tư y thư 洪義覺斯醫書

Hồng nghĩa giác tư y thư ghi tên Tuệ Tĩnh, được khắc ván in năm 1717, cho biết đã kế thừa từ một bản khắc in cũ lưu trữ tại chùa Hộ Xá, huyện Giao Thủy mà bản khắc in cũ đó lại do đặt sĩ Lê Đức Toàn, tự Pháp Thạnh chép ở Hoè Nha thành Đông Quan.

Như đã biết, thành Đông Quan là Thăng Long thời thuộc Minh nửa đầu thế kỷ XV. Chùa Hộ Xá, huyện Giao Thủy (phủ Xuân Trường), có thể là nơi Tuệ Tĩnh tu hành và làm nghề thuốc, ngay sau khi thi đỗ mà không ra làm quan. Theo truyền thuyết, Tuệ Tĩnh đỗ Hoàng giáp năm 45 tuổi (1374), năm 55 tuổi bị bắt đi cống. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* thì, “Năm Ất Sửu (1385) tháng 3, nước Minh sai sứ sang đòi 20 tăng nhân.” Như thế rất có thể Tuệ Tĩnh đi cống nhà Minh vào dịp này. Và *Hồng Nghĩa giác tư y thư* có thể được viết ra trước khi Tuệ Tĩnh đi cống.

Hồng nghĩa giác tư y thư có nội dung chính như sau:

Mở đầu tập sách là dòng chữ: *Hồng Nghĩa Đường Tráng Tử Vô Dật, túc thiên Tuệ Tĩnh soạn* 洪義堂贛子無逸宿禪慧靜撰 (Nhà sư Tuệ Tĩnh, hiệu Hồng Nghĩa Đường, Tráng Tử Vô Dật soạn).

Đông Quan Hoè Nha đặt sĩ Lê Đức Toàn Pháp Thạnh 東關槐衙逸士黎德全法晟 (Lê Đức Toàn, tự Pháp Thạnh đặt sĩ ở Hoè Nha, thành Đông Quan) sao lục.

Bộ sách hiện có 6 bản với 6 ký hiệu thư viện khác nhau, trong đó có 4 bản khắc ván in: VHv.3624, AB.306, AB.288, A.162, và 2 bản chép tay: VNV.563, VNV.140, biên soạn thành 2 quyển Thượng và Hạ.

Quyển Thượng: gồm có bài tựa của Thái y viện triều Lê soạn vào mùa hè năm Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717). Sau bài tựa là: *Nam dược Quốc ngữ phú* 南藥國語賦, *Trực giải chỉ Nam dược tính phú* 直解指南藥性賦, *Tổng luận* 總論, *Chư dược chủ bệnh* 諸藥主病, *Ngũ phủ lục tạng hình trạng* 五腑六臟形狀, *Như ý đơn* 如意丹, *Hồi sinh đơn* 回生丹.

Quyển Hạ: gồm có *Thập tam phương gia giảm* 十三方加減, *Chứng trị phương pháp* 症治方法, *Hoàng triều huệ dân kinh nghiệm tuyển yếu thân hiệu tam thập thất phương* 皇朝惠民經驗選要神效三十七方 và in lại *Như ý đơn* 如意丹, *Hồi sinh đơn* 回生丹 như quyển Thượng.

Bài tựa của Thái y viện nguyên văn như sau:

HỒNG NGHĨA GIÁC TƯ Y THUẬT VĂN

天南啓宇，業醫術者，慮千百家，訪其著書立言，津梁後學者，則木上魚也。粵有宿老號慧靖，上洪錦江義富人。公禪家者流，博究陰陽之祕，研殫岐扁之傳，自<著國音本草>，總六百三十零味。復以其經治驗雜病十三方，傷寒三十七槌，譯出方言，彙成編次，指迷開塞，覺悟斯人，用其心恂仁厚也。編完授梓，藏板于膠水護舍寺。彼天一方，共獲指南之便，流傳迄今，聲聞四布矣。丁酉之春，柳幢書坊，以其書進獻。恭奉王上御覽之須。見其字刻尚多陶陰之謬，特命醫官詳加考閱。悟者改之，訛者訂之。復第其篇次，分爲上下二卷。書成，賜名洪義覺斯醫書。付下書坊剞劂，公諸宇內，其加惠天下至渥也。將見納同人于壽域，濟斯世於春臺，豈曰小小補哉！

臣叨奉明旨，樂睹就編，謹略述梗概，以弁其篇端云。

時永盛十三年，季夏穀日。

侍內府各官詳加考訂。

醫院各官考加增。

HỒNG NGHĨA GIÁC TƯ Y THUẬT VĂN

Thiên Nam khải vũ, nghiệp y thuật giả, lự thiên bách gia, phỏng kỳ trước thư lập ngôn, tân lương hậu học giả, tác mộc thượng ngư dã. Việt hữu Túc Lão hiệu Tuệ Tĩnh, Thượng Hồng Cẩm Giang Nghĩa Phú nhân dã. Công thiên gia giả lưu, bác cứu âm dương chi bí, nghiên đàn kỳ biên thiên chỉ truyền, tự trước Quốc âm bản thảo, tổng lục bách tam thập linh vị. Phục dĩ kỳ kinh trị nghiệm tạp bệnh thập tam phương, thương hàn tam thập thất chuỳ, dịch xuất phương ngôn, vưng thành biên thứ, chỉ mê khai tắc, giác ngộ tư nhân, dụng kỳ tâm tuần nhân hậu dã. Biên hoàn thụ tử, tàng bản vu Giao Thủy Hộ Xá tự. Bĩ thiên nhất phương, cộng hoạch chỉ Nam chi tiện, lưu truyền hất kim, thanh văn tứ bố hỷ. Đinh Dậu chi xuân, Liễu Tràng thư phòng, dĩ kỳ thư tiến hiến. Cung phụng Vương Thượng ngự lãm chi tu. Kiến kỳ tự khắc thượng đa đào âm chi mậu, đặc mệnh Y quan tường gia khảo duyệt. Ngộ giả cải chỉ, ngoa giả đính chỉ. Phục đệ kỳ thiên thứ, phân vi Thượng Hạ nhị quyển. Thư thành, tứ danh Hồng nghĩa giác tư y thư. Phó hạ thư phòng sản dịch, công chư vũ nội, kỳ gia huệ thiên hạ chí ốc dã. Tương kiến nạp đồng nhân vu thọ vực, tế tư thế ư xuân đài, khởi viết tiểu tiểu bổ tai!

Thần đạo phụng minh chỉ, lạc đồ tự biên, cần lược thuật ngành khái, dĩ biên kỳ thiên đoan văn.

Thì Vĩnh Thịnh thập tam niên, quý hạ cốc nhật.

Thị nội phủ các quan tường gia khảo đính.

Y viện các quan khảo gia tăng.

LỜI TỰA SÁCH HỒNG NGHĨA GIÁC TƯ Y THU

Đất nước trời Nam, người làm nghề y, có đến trăm nghìn nhà. Đi tìm những trước tác của họ, làm bến bờ cho kẻ hậu học, thì như cá trên ngọn cây vậy. Từ khi có Túc Lão hiệu Tuệ Tĩnh, người xã

Nghĩa Phú huyện Cẩm Giang phủ Thượng Hồng, thuộc dòng tu nhà Thiền, hiểu rộng bí ẩn của âm dương, nghiên cứu tường tận, tự viết ra *Bản thảo* bằng Quốc âm, gồm hơn 630 vị. Lại đem những điều đã từng chữa trị có hiệu nghiệm tập bệnh 13 phương, thương hàn 37 chùy, dịch ra phương ngôn, tập hợp lại thành từng thiên có thứ tự, chỉ ra những chỗ còn lầm lẫn, bế tắc. Con người giác ngộ ấy, có tấm lòng nhân đây đặng vậy. Biên soạn xong, đưa đi khắc ván in, rồi đem ván cất giữ ở chùa Hộ Xá huyện Giao Thủy. Một phương trời kia, cùng được hưởng sự thuận tiện về đường hướng dùng thuốc Nam, lưu truyền cho đến ngày nay, tiếng tăm đã truyền khắp bốn phương. Mùa xuân năm Đinh Dậu, phường sách Liễu Chàng, đem sách đó dâng lên, kính được Vương Thượng ngự lãm. Vương thấy chữ khắc phần nhiều bị khắc sai, nên đặc biệt lệnh cho Y quan khảo duyệt lại cho kỹ. Những chỗ sai lầm thì sửa đi, những chỗ ngoa ngoắt thì đính chính lại. Lại sắp đặt lại thứ tự các thiên, chia làm hai quyển. Sách làm xong, ban đặt tên là *Hồng nghĩa giác tư y thư*. Giao cho phường sách san khắc, công bố trong nước, là để thiên hạ thêm đặng ân huệ vậy. Sẽ thấy mọi người cùng ở cõi thọ, bước lên đài xuân đời này, đâu phải chỉ là sự bổ khuyết nho nhỏ thôi đâu!

Thần kính vâng minh chỉ, mừng vui biên chép, lược thuật điều cơ bản, đặt lên đầu thiên sách.

Ngày lành tháng cuối hạ năm Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717).

Các quan trong phủ Thị nội đều khảo đính thêm cho rõ ràng.

Các quan trong Y viện khảo duyệt thêm.

Như vậy, trong lời tựa cho biết đã tập hợp những tác phẩm của Tuệ Tĩnh từ một bản khắc in cũ lưu lại ở chùa Hộ Xá, huyện Giao Thủy (phủ Xuân Trường), nơi Tuệ Tĩnh tu hành và làm thuốc, rồi khắc lại sau khi đã sửa chữa theo lệnh của Chúa Trịnh. Trong đó có nhắc tới bản thảo bằng quốc âm, gồm hơn 630 vị, *tập bệnh 13 phương, thương hàn 37 chùy* dịch ra phương ngôn.

Nhưng trong thực tế, *Hồng nghĩa giác tư y thư*, những mục sau đây được ghi rõ tác giả là người đời sau. Ở quyển Thượng có *Như ý đơn* 如意丹 và *Hồi sinh đơn* 回生丹 do *Trường Thủy Hạnh Thọ đường Tráng Nho Lão Tuyên Vật tự Tác Phúc tân* soạn 長水行壽堂慧儒老璇物字作福新撰 (Tráng Nho Lão Tuyên Vật, tự Tác Phúc, soạn mới tại Hạnh Thọ đường ở huyện Giao Thủy Xuân Trường). Ở quyển Hạ có *Chứng trị phương pháp* 症治方法 do Lão Mai Am ở Chí Thiện đường soạn (*Chí Thiện đường ngày thường xem khức, Lão Mai Am quét sạch phần hương*).

Nội dung những tác phẩm ghi trong quyển Thượng và quyển Hạ như sau:

a. *Nam dược Quốc ngữ phú* 南藥國語賦 (ở quyển Thượng)

Bài phú Nôm 24 vận, nói về dược tính và tên gọi các dược liệu thường thấy ở Việt Nam, mở đầu bài phú có câu:

“Chấn khéo thiêng trời sinh một tính, vật hoá muôn loài đôi khí âm dương chuyển vận. Từ mùa hàn thủy vắng lai, ngày chịu khí trung hoà, nhân khoá cảm thương sẽ phải, thuốc đòi phương gia giảm, dụng thời thực hiệu chẳng sai. Nhớ xưa Bàn Cổ hoá thành, Thần Nông ngấm biết, nghĩa đặt có quân thân tá sứ, tính sát biết ôn lương hàn nhiệt, thương dân yêu trát, tiên thánh tha kiếm để đồ kinh. Vui đạo dưỡng sinh, hậu học sả tâm nay diệu quyết, toái tiên sư kính đạo tiên sư, thuốc Nam Việt trị người Nam Việt...”

Bài phú nêu ra các vị dược liệu sẵn có ở nước ta, chỉ ra tên gọi: tên chữ Hán tương đương với tên Nôm, hoặc ngược lại, như: *Bà ngửa* là đường lang, tục danh thiên mã, *cam giá* là cây mía, *vô căn đẳng* là dây tơ hồng, *bà ngửa* cây dâu là tang phiêu tiêu, *hắc sắt* âm là cái rế, *bạch sắt* là cái rận, *trần thuốc* sào là tổ bà các, *tổ ong tàng* hiệu là lộ phong phòng, *hùng kê quan huyết* là máu kê gà ông, *sơn giáp* là đuôi cái tê tê, *đoàn ngư* là cái ba ba v.v...”

Bài phú kết luận: *Sãi nay Tráng Tử còn hơi vụng, Vô Dật hoạ khi rồi, dọn Nam dược kiếm làm một phú*. Tráng Tử, Vô Dật là tên hiệu của Tuệ Tĩnh.

Cuối bài phú này có chưa thêm câu: *Bài phú trên, bản cũ có khá nhiều chữ sai nhầm, nay đặt sĩ tự là Pháp Thạnh chỉnh bút mà tra cứu, soạn lại.*

Bài phú ở lần khắc in này về từ ngữ đã bị sửa một cách đáng kể (*Ngoa giả đính chi – Lời tựa*). Nhưng vẫn còn giữ được một số từ ngữ cổ như trên đã thấy: *Bà ngựa, cái rế, cái rận, tổ bà các, tổ ong tàng, kê gà ông...* Và một số chữ Nôm viết theo lối cổ: Chữ “trăng” viết chữ ba + lãng (đời sau viết nguyệt + lãng); chữ “một” viết chữ miệt (đời sau viết một, là mất); chữ “chịu” viết chữ triệu là vởi lại (đời sau thêm chữ thụ); chữ “cả” viết gia + khả (đời sau viết đại + khả) v.v... Như thế có thể khẳng định *Nam dược quốc ngữ phú* do Tuệ Tĩnh làm ra, mặc dù đã bị sửa chữa nhiều, không còn đúng với đáng về ban đầu.

b. Trục giải chỉ Nam dược tính phú 直解指南藥性賦 (thuộc quyển Thượng)

Bài phú chữ Hán về dược tính các dược liệu thường dùng ở Việt Nam, mở đầu bài phú nói: “Dục huệ sinh dân, tiên tằm thánh dược, thiên thư viết định Nam bang, thổ sản hữu thù Bắc quốc...” (Muốn cứu sinh dân, trước tiên phải tìm thuốc thánh, sách trời đã định ra nước Nam, thổ sản có khác Bắc quốc). Lời cuối bài phú nói: “Tư bất phu Nam thiên quảng huệ” (Nay chưa ban ân huệ rộng ở trời Nam).

Chữ “Huệ” xuất hiện trong câu mở đầu của bài phú, lại thấy xuất hiện ở câu cuối bài phú, có thể tác giả có ý tên mình là Huệ Tĩnh vào đây. Vì Huệ Tĩnh (*Từ nguyên huệ 惠* thông tác tuệ 慧), để khẳng định bài phú này do Tuệ Tĩnh làm ra.

c. Thập tam phương gia giảm 十三方加減 (thuộc quyển Hạ)

Trong *Lời tựa* chép là *Tạp bệnh thập tam phương*. Với các dị bản hiện có đều được diễn Nôm, thể lục bát. Xét thấy, cách viết chữ Nôm phần nhiều theo lối mới, với từ ngữ đã dùng thuộc đời sau, nên có ý kiến cho rằng, do người đời sau diễn Nôm. Nhưng theo *Lời tựa* thì “*Tạp bệnh thập tam phương, Thương hàn tam thập thất chuỳ*,” đã được chính tác giả “dịch xuất phương ngôn,” như thế có nghĩa là *Tạp bệnh thập tam phương* (Tức *Thập tam phương gia giảm*) và *Thương hàn tam thập thất chuỳ* đã được diễn Nôm. Rất có thể ở lần khắc in này bản dịch Nôm ấy đã bị sửa chữa rất nhiều (*Ngo giả cải chi, ngoa giả đính chi*) cho dễ hiểu, như *Thập tam phương gia giảm*, có câu:

- Thứ nhất bài bát hoán kim,

Bổ trợ nam nữ âm dương chẳng điều...

- Thung dung lại luận thứ hai,

Cho biết chứng bài danh nhị trần thang...

- Bài này kiếm ở thứ ba,

Có phương đạt hiệu các là sâm tô...

Nếu như thế thì, *Thập tam phương gia giảm* không còn giữ nguyên diện mạo ban đầu. Và bản nguyên văn bằng chữ Hán mà Tuệ Tĩnh dùng để “dịch xuất phương ngôn” không được đưa vào khắc ván in lần này.

Thập tam phương gia giảm không những được khắc in ở *Hồng nghĩa giác tư y thư* nêu trên, mà hiện trong kho sách Hán Nôm hiện còn hai dị bản khác, đều là bản chép tay và ghi tác giả là Tuệ Tĩnh: *Thập tam phương gia giảm* (AB.513), *Thập tam phương gia giảm Quốc âm ca* (VHv.92). Có thể đã chép lại từ *Hồng nghĩa giác tư y thư*.

Ngoài ra, còn có một số dị bản khác, không ghi tên người soạn, cũng vẫn đề tài “Mười ba bài thuốc gia giảm” ấy, nhưng nội dung của lời diễn Nôm khác nhau, không giống như hai dị bản có ghi tên tác giả là Tuệ Tĩnh, như: *Y gia tập yếu Thập tam phương gia giảm Quốc âm ca* (VNV.139), câu đầu của mỗi phương diễn Nôm giống như Tuệ Tĩnh, nhưng từ câu thứ hai trở đi thì có nội dung khác hẳn. Lại trong *Thông dụng cổ phương thi quát* (VHv.797), vẫn 13 bài thuốc đó, nhưng cách diễn Nôm lời lẽ lại khác. Hay trong *Tổng dược ca quyết gia truyền* (VNV.90), cũng vẫn 13 bài thuốc đó, nhưng

diễn Nôm với nội dung khác với 2 bản trên. Còn trong *Kinh nghiệm được phương* (VHv. 2110) chỉ kê bài thuốc, không diễn Nôm.

d. *Thương hàn tam thập thất chùy* 傷寒三十七槌 có nói trong *Lời tựa*, nhưng không thấy xuất hiện, mà thay vào đấy là *Hoàng triều huệ dân kinh nghiệm tuyển yếu thần hiệu tam thập thất phương* 皇朝惠民經驗選要神效三十七方, là 37 phương thuốc do triều đình soạn ban cho dân, chữa viêm, cước khí, tiểu tiện ra máu, tiểu tiện bế, đau tim v.v... không dính dáng gì đến thương hàn 37 chùy!

Nhưng ở bản chép tay (A.162) tại quyển Hạ có mục *Thương hàn các pháp trị lệ quyển hạ* 傷寒各法治例卷下, diễn Nôm, thể lục bát và song thất lục bát, về 37 phương thuốc chữa các chứng thương hàn. Có thể đây là *Thương hàn tam thập thất chùy* do Tuệ Tĩnh “dịch xuất phương ngôn” đã được người đời sau sửa chữa thành?

Các mục tiếp theo của quyển Thượng, như mục *Tổng luận* nói về y học và mạch học (với 2 hình vẽ ghi chú tỉ mỉ các bộ phận của cơ thể, các mạch chạy trong cơ thể, chủ yếu là mạch tay phải và tay trái). Mục *Chư được chủ bệnh*, nói về các vị thuốc chủ công cho từng căn bệnh (như tay chân mỗi mệ, nên dùng phòng phong, khương hoạt làm chủ. Trúng gió ngã ngất dùng nha tảo, tế tân làm chủ). Mục *Ngũ phủ lục tạng hình trạng*, nói về cấu tạo và tính năng của tạng phủ (như: gan nặng 4 cân 2 lạng, trái 3 lá, phải 4 lá, cộng 7 lá, chủ tạng, thuộc mộc, thịnh về mùa xuân. Tâm nặng 12 lạng, hai bên có 7 lỗ, 3 mao mạch, chủ tạng thần, thuộc hỏa, thịnh về mùa hạ). Ở quyển Hạ có mục *Chứng trị phương pháp*, cũng giống như *Như ý đơn* và *Hồi sinh đơn* ở mục tiếp theo, không thấy nhắc trong lời tựa, cũng chưa có chứng cứ nào để khẳng định do Tuệ Tĩnh soạn ra. Vả lại, những mục ấy, xét thấy cung cách biên soạn, cũng như lời lẽ, có lẽ do lần khắc ván in này thêm vào.

Tóm lại, *Hồng nghĩa giác tư y thư*, phần lớn là tác phẩm của Tuệ Tĩnh được Thị nội phủ và Y viện năm Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717), dựa vào bản in cũ do kẻ lách đời Lê Đức Toàn tự Pháp Thạnh sao lại ở Hòe Nha, thành Đông Quan đưa vào và đặt tên cho bộ sách. Trong đó có khắc thêm vào một số mục khác của người đời sau. Còn các tác phẩm của Tuệ Tĩnh thì bị sửa đổi một cách đáng kể (Đó là các tác phẩm: *Nam dược quốc ngữ phú*, *Trực giải chỉ Nam dược tính phú*, *Thập tam phương gia giảm*, *Thương hàn tam thập thất chùy*).

2. *Nam dược thần hiệu* 南藥神效

Nam dược thần hiệu hiện có 12 bản khắc ván in, 2 bản chép tay (VHv.1664/1-7; VHv.1665/1-4; VHv.520; VHv.1017/1; VHv.1124; VHv.3370; VHv.3867; VHv.3957; VHv.3400; VHv.3537; A.2728; A.3024; A.2727; A.2850).

Bộ 11 quyển. Có lời tựa và phàm lệ.

Nam dược thần hiệu của Tuệ Tĩnh được nhắc tới trong lời tựa của bộ *Hồng nghĩa giác tư y thư* (*Quốc âm bản thảo*), trong *Hải Dương phong vật chí* của Trần Đạm Trai (*Được tính chỉ Nam*), hay ở *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú (*Nam dược thần hiệu*).

Theo Lời tựa của nhà sư hiệu Bản Lai viết, và Phàm lệ do Vương Thiên Trí phường Liễu Tràng soạn khi khắc ván in thì *Nam dược thần hiệu* được Hòa thượng Bản Lai sưu tầm và biên soạn, rồi cho khắc in tháng 8 năm Cảnh Hưng Tân Tỵ (1761) tại chùa Hồng Phúc, phường Hòe Vệ, phủ Trung Đô (Thăng Long). Sau được khắc lại (tân san) tháng 9 năm Khải Định thứ 5 (1920) và Khải Định thứ 7 (1922) tại Hàng Khay Hà Nội. Trong tất cả các bản in hiện có đó đều không ghi tác giả là Tuệ Tĩnh. Riêng bản chép tay chép lại từ bản in năm Cảnh Hưng Tân Tỵ (1761), tại chùa Hồng Phúc, phường Hòe Vệ, có ký hiệu thư viện A.1270, do Trường Viễn Đông Bác cổ trước đây thuê chép, thì ghi: Cẩm Giang 錦江 Huệ Tĩnh tiên sinh 惠靖先生 tập trước (Trước tác của Huệ Tĩnh tiên sinh người huyện Cẩm Giang). Có thể người sao chép đã tham khảo ở *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú mà tự ý ghi thêm vào?

Như thế *Nam dược thần hiệu* của Tuệ Tĩnh không phải là bộ sách trên. Có chăng nữa thì nó đã được Hòa thượng Bản Lai sửa chữa chỉnh lý theo *Nội kinh* về y lý, và theo *Bản thảo cương mục* của Lý Thời Trân để kê các vị thuốc... như lời *Phàm lệ* của Vương Thiện Trí đã nói.

Nói tóm lại, hiện tại trong tác phẩm *Hồng nghĩa giác tư y thư*, Tuệ Tĩnh có: *Nam dược quốc ngữ phú*, *Trực giải chỉ Nam dược tính phú*, *Thập tam phương gia giảm*. Còn tác phẩm *Nam dược thần hiệu* có lẽ chỉ còn cái tên, thực tại chưa thấy dấu vết nào để khẳng định là do Tuệ Tĩnh soạn ra. Các tác phẩm của Tuệ Tĩnh như trên đã thấy, trải qua nhiều đời sao chép, khắc in và sửa đổi, hiện không còn giữ được dáng vẻ ban đầu, nhưng tinh thần “Thuốc Nam Việt chữa cho người Nam Việt” thì vẫn còn nguyên./.